

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 224/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2023.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Huy L, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2023 và tại phiên tòa, ông Đặng Huy L trình bày: Vào năm 1986 ông và bà Trần Ngọc T chung sống như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ với nhau và đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2008 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Ngọc T. Về con chung, có năm người tên là Đặng Viết T (giới tính nam), sinh năm 1988, Đặng Phương T (giới tính nam), sinh năm 1990, Đặng Thị Mộng Mị Như A (giới tính nữ), sinh năm 1991, Đặng Thanh N (giới tính nam), sinh năm 1994 và

Đặng Hoàng N (giới tính nam), sinh năm 1996. Đối với Đặng Viết T, Đặng Phương T, Đặng Thị Mộng Mị Như A và Đặng Hoàng N đều đã thành niên và có khả năng tự lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Đặng Thanh N (giới tính nam), sinh năm 1994 hiện bị khuyết tật nặng và được nhận trợ cấp hàng tháng, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, từ khi ông và bà T không còn sống chung thì vẫn do bà T nuôi dưỡng nên ông yêu cầu giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản riêng, ông có được cha mẹ ruột cho một phần đất có diện tích 18.000m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện do bà T đang quản lý, sử dụng, ông yêu cầu bà T trả lại cho ông toàn bộ diện tích đất nói trên. Nay ông yêu cầu được rút lại toàn bộ yêu cầu về chia tài sản riêng.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 9 năm 2023 thì bị đơn bà Trần Ngọc T trình bày: Về thời gian chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và thời gian sống ly thân đúng như ông L đã trình bày. Nay ông L yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Con chung, đối với Đặng Viết T, Đặng Phương T, Đặng Thị Mộng Mị Như A và Đặng Hoàng N đều đã thành niên và có khả năng tự lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Đặng Thanh N (giới tính nam), sinh năm 1994, bị khuyết tật nặng hiện được nhận trợ cấp hàng tháng và Đặng Thanh N không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung, bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc ông Đặng Huy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Ngọc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Trần Ngọc T cư trú tại ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Ngọc T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Ngọc T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, ông Đặng Huy L và bà Trần Ngọc T kết hôn vào năm 1986 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì ông Đặng Huy L và bà Trần Ngọc T đã xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn thì ông Đặng Huy L và bà Trần Ngọc T đều thừa nhận quá trình chung sống giữa ông L và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng đã không còn quan tâm, chia sẻ với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh

phúc nên ông, bà đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2008 cho đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ được. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không T kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho ông Đặng Huy L ly hôn với bà Trần Ngọc T là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, đối với Đặng Viết T (giới tính nam), sinh năm 1988, Đặng Phương T (giới tính nam), sinh năm 1990, Đặng Thị Mộng Mị Như A (giới tính nữ), sinh năm 1991 và Đặng Hoàng N (giới tính nam), sinh năm 1996. Cả bốn người con chung đều đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra xem xét.

Riêng Đặng Thanh N (giới tính nam), sinh năm 1994, bị khuyết tật nặng, hiện do bà T nuôi dưỡng. Ông L yêu cầu giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và được bà T đồng ý. Từ đó, giao Đặng Thanh N cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Ông Đặng Huy L xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Bà Trần Ngọc T không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ông Đặng Huy L rút lại yêu cầu chia tài sản riêng đối với phần đất có diện tích 18.000m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau hiện do bà T đang quản lý, sử dụng, ông L yêu cầu bà T trả lại cho ông L toàn bộ diện tích đất nói trên. Việc rút lại yêu cầu của ông L là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản riêng của ông Đặng Huy L theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Đặng Huy L phải chịu. Tuy nhiên, ông Đặng Huy L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên ông Đặng Huy L được miễn nộp toàn bộ án phí phải chịu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Đặng Huy L ly hôn với bà Trần Ngọc T.

2. Về con chung, giao bà Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng Đặng Thanh N (giới tính nam), sinh năm 1994. Ông Đặng Huy L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Huy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Đặng Huy L được miễn nộp toàn bộ.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản riêng của ông Đặng Huy L về việc yêu cầu bà Trần Ngọc T trả lại phần đất có diện tích 18.000m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ